

TÁC ĐỘNG CỦA QUY LUẬT KINH TẾ ĐẾN HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

PGS TS Vũ Văn Nhật
Đại học KHXH&NV- ĐHQG Hà Nội

Đề cập đến sự chi phối hoạt động thông tin khoa học và công nghệ của năm quy luật kinh tế thị trường: Quy luật không ngừng mở rộng sự phân công xã hội, Quy luật giá trị, Quy luật thị trường, Quy luật tiêu dùng giới hạn, Quy luật tỷ suất lợi nhuận bình quân giảm dần và của ba quy luật kinh tế cơ bản: Quy luật về sự phát triển sự nghiệp thông tin KH&CN thích ứng với nền kinh tế quốc dân, Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất thông tin KH&CN và Quy luật giá trị trong sản xuất sản phẩm hàng hoá và dịch vụ thông tin KH&CN.

Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ (KH&CN) là một hoạt động đặc thù, được hình thành và phát triển do nhu cầu của xã hội và thực hiện chức năng theo sự phân công lao động xã hội. Nó trực tiếp góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển nền kinh tế quốc dân. Tri thức KH&CN ngày nay đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và là yếu tố đầu vào của sản xuất, quan trọng như vốn, lao động và đất đai, phương tiện sản xuất,... Cơ quan thông tin KH&CN được xem như một đơn vị sản xuất sản phẩm và dịch vụ thông tin để đáp ứng nhu cầu khách hàng trên thị trường. Như vậy, hoạt động của cơ quan thông tin KH&CN cũng chịu sự tác động và chi phối của các quy luật kinh tế nói chung, đặc biệt là các quy luật thị trường. Thị trường thông tin KH&CN nước ta đã dần được hình thành và khai thông trong vài thập kỷ qua. Một số nhà chuyên môn cho rằng, chỉ hoạt động theo các quy luật kinh tế và quy luật thị trường thì cơ quan thông tin KH&CN mới có thể phát triển bền vững. Vậy những quy luật này là gì? Chúng tác động như thế nào? ... Bài viết

này nhằm phân nào giải đáp những câu hỏi nêu trên.

1. Một số quy luật kinh tế thị trường chi phối hoạt động thông tin KH&CN

1.1. Quy luật không ngừng mở rộng sự phân công lao động xã hội

Phân công lao động xã hội là sự phân chia lao động xã hội thành các ngành, nghề khác nhau của nền sản xuất-xã hội. Ví dụ: nền sản xuất-xã hội có thể được chia thành năm lĩnh vực (năm nhóm) là quản lý, nghiên cứu khoa học, thiết kế-chế tạo, giáo dục đào tạo và sản xuất kinh doanh.

Phân công lao động xã hội tạo ra sự chuyên môn hoá lao động theo ngành nghề khác nhau, do đó, mỗi người sản xuất chỉ tạo ra một hoặc một vài loại sản phẩm nhất định. Thế nhưng, mỗi người lại cần rất nhiều loại sản phẩm khác nhau cho cuộc sống của mình. Để thoả mãn nhu cầu, họ buộc phải phụ thuộc lẫn nhau, trao đổi sản phẩm cho nhau. Phân công lao động xã hội góp phần quan trọng làm tăng năng xuất lao động, phát triển nền sản xuất hàng hoá và nền kinh

tế thị trường. Tác động của quy luật này vào hoạt động thông tin KH&CN đã chia hoạt động này thành nhiều loại công việc khác nhau, mỗi loại ứng với một chức năng chuyên môn nghiệp vụ cụ thể do một người hoặc một nhóm người thực hiện. Nhờ vậy, việc tổ chức lao động trong cơ quan thông tin KH&CN được tiến hành một cách khoa học, năng suất lao động được nâng cao.

1.2. Quy luật giá trị

Sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN, là loại hàng hoá đặc thù, chịu sự tác động và chi phối mạnh mẽ của quy luật giá trị. Tương tự như hàng hoá thông thường, sản phẩm thông tin KH&CN cũng được sản xuất, phân phối, lưu thông đáp ứng nhu cầu của người dùng tin theo giá trị của nó, tức là theo lượng lao động trung bình tất yếu kết tinh trong sản phẩm này. Đại lượng này rất khó xác định và bị chi phối bởi rất nhiều yếu tố của nền kinh tế-xã hội, ngành thông tin, quốc gia và của sự hội nhập quốc tế.

Nhìn chung, sản phẩm thông tin KH&CN được tạo ra và đưa đến người dùng tin sau một quá trình lao động của cán bộ thông tin với sự trợ giúp của các công cụ, phương tiện lao động. Chi phí cho sản xuất và lưu thông sản phẩm là cơ sở để định giá của nó. Trên thị trường thông tin KH&CN, giá cả sản phẩm này còn phụ thuộc vào chính sách phát triển lĩnh vực thông tin KH&CN của mỗi nước. Nhà nước, thông qua việc bù giá cho sản phẩm thông tin, tiến hành hỗ trợ sự phát triển thông tin KH&CN.

1.3. Quy luật thị trường

Thị trường là nơi diễn ra việc trao đổi,

mua bán các sản phẩm hàng hoá vật chất và tinh thần giữa người sản xuất và người tiêu dùng thông qua vật trung gian là tiền. Nền kinh tế thị trường là cái mốc đánh dấu sự phát triển của lịch sử nhân loại nói chung và lĩnh vực sản xuất xã hội nói riêng.

Thị trường thực hiện bốn chức năng chủ yếu: thừa nhận sự phù hợp của các sản phẩm hàng hoá và dịch vụ với nhu cầu thị trường; thực hiện việc trao đổi (lưu thông) các sản phẩm hàng hoá và dịch vụ, thông qua đó, đồng thời thực hiện giá trị của sản phẩm hàng hoá và dịch vụ; kích thích và điều tiết sản xuất sản phẩm hàng hoá và dịch vụ, điều tiết và kích thích *cung* - *cầu* sản phẩm hàng hoá trên thị trường; thông tin về thị trường và các vấn đề liên quan (tình hình chính trị, kinh tế, KH&CN, môi trường sinh thái, dân số và phát triển, tập tục, tập quán văn hoá, lối sống của người dân,...).

Cung, cầu và giá cả là ba yếu tố cơ bản nhất tạo thành cơ chế thị trường. Cơ chế thị trường là bộ máy (công cụ) được dùng để vận hành nền kinh tế theo thị trường. *Cung* (hoặc *tổng cung*) là sản xuất các giá trị vật chất và tinh thần (hàng hoá) để phục vụ cho sự tồn tại và phát triển của xã hội. *Cầu* (*tổng cầu*) là nhu cầu về sản phẩm vật chất và tinh thần cộng với khả năng thanh toán (chi trả) để mua được các sản phẩm hàng hoá trên thị trường. Giá cả là thể hiện bằng tiền của giá trị sản phẩm hàng hoá và dịch vụ. Trong nhiều trường hợp, giá cả hàng hoá và dịch vụ là sự thoả thuận của người bán và người mua trên thị trường.

Ba yếu tố trên quan hệ hữu cơ và tác động qua lại với nhau tạo ra ba quy luật cơ bản của thị trường: quy luật cung-cầu, quy luật giá cả và quy luật cạnh tranh. Trong đó, quy luật cung-cầu là trung tâm, quy luật giá cả là hạt nhân và quy luật cạnh tranh là chất men xúc tác của thị trường. Đồng thời, các nhà kinh tế cũng thống nhất cho rằng: trong nền kinh tế thị trường, chỉ các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ thị trường có nhu cầu mới được sản xuất và đưa ra.

Các quy luật thị trường, trong tương lai gần, sẽ được vận dụng một cách sáng tạo vào thực tế thị trường thông tin KH&CN nước ta theo hướng phát triển kinh tế-xã hội, KH&CN.

1.4. Quy luật tiêu dùng giới hạn

Quy luật này do G.M.Kenxơ phát hiện ra, nghĩa là thu nhập tăng lên, lượng tiêu dùng tuyệt đối cũng tăng lên, nhưng tỷ lệ tăng của nó không bằng mức tăng của thu nhập. Nói một cách khác, trong thu nhập tăng thêm, mức tương đối dành cho tiêu dùng có khuynh hướng giảm, còn mức tương đối dành cho tích lũy tăng. Quy luật này hình thành do thiên tính lo xa, muốn làm giàu của con người, nghĩa là sự chiếm hữu một lượng tiền cũng là một nhu cầu của con người. Khi có thu nhập cao thì nhu cầu tích lũy làm giàu càng cao, thậm chí cao hơn các nhu cầu hằng ngày khác.

1.5. Quy luật tỷ suất lợi nhuận bình quân giảm dần

Lợi nhuận: giữa giá trị hàng hoá và chi phí sản xuất luôn có khoảng chênh lệch, vì thế sau khi bán hàng hoá (giá cả = giá trị), người đầu tư không những bù đắp đủ

số tư bản đã ứng ra, mà còn thu được một số tiền ngang bằng với m (giá trị $= c + v + m$). Số tiền đó được gọi là lợi nhuận.

Quy luật tỷ suất lợi nhuận bình quân giảm dần thể hiện ở chỗ, khi nhà đầu tư tiếp tục đầu tư vào một ngành sản xuất nào đó thì tỷ suất giữa lợi nhuận thu được so với số vốn ban đầu bỏ ra có khuynh hướng giảm dần. Nếu không có sự nâng cấp về công nghệ hoặc về quản lý kinh doanh, thì khi tăng quy mô sản xuất kinh doanh, tổng số lợi nhuận sẽ tăng, nhưng tỷ suất lợi nhuận lại giảm .

2. Một số quy luật kinh tế cơ bản chi phối hoạt động thông tin KH&CN

2.1. Quy luật về sự phát triển hoạt động thông tin KH&CN thích ứng với nền kinh tế quốc dân

Nền kinh tế quốc dân các thời kỳ lịch sử khác nhau có những đặc điểm, tính chất và trình độ phát triển khác nhau. Nền kinh tế quốc dân Việt Nam hiện nay theo cơ chế thị trường định hướng XHCN và hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thị trường thế giới. Mọi hoạt động của tất cả các lĩnh vực trong xã hội, trong đó có hoạt động thông tin KH&CN, đều chịu sự chi phối của nền kinh tế quốc dân. Thông tin KH&CN, là lĩnh vực hoạt động chuyên môn, với sự hỗ trợ của các phương tiện vật chất kỹ thuật, tổ chức thu thập, khai thác và phục vụ thông tin trong xã hội. Sản phẩm và dịch vụ thông tin vừa mang tính chất tinh thần, trí tuệ, vừa mang tính chất vật chất, ngoài ra, hoạt động thông tin được hình thành và phát triển do nhu cầu của xã hội, đặc biệt là nhu cầu của hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh dịch vụ. Vì vậy, nguồn

gốc sâu xa dẫn đến sự hình thành, phát triển của hoạt động thông tin KH&CN là sự phát triển của nền kinh tế. Mỗi thay đổi (đổi mới) trong nền kinh tế sớm hay muộn đều dẫn đến sự thay đổi trong hoạt động thông tin. Hiện nay, KH&CN được coi là lực lượng sản xuất trực tiếp, tri thức KH&CN - là đầu vào quan trọng của sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;... nên hoạt động thông tin KH&CN cũng được tăng cường đầu tư phát triển. Tóm lại, quy luật về sự phát triển hoạt động thông tin KH&CN thích ứng với nền kinh tế quốc dân nghĩa là: quy mô, trình độ, tính chất, chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu,... của hoạt động thông tin KH&CN phải luôn phù hợp, thích ứng với nền kinh tế quốc dân.

2.2. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất thông tin KH&CN

- Lực lượng sản xuất thông tin KH&CN là toàn bộ năng lực sản xuất (sáng tạo) của lĩnh vực thông tin KH&CN ở một thời kỳ nhất định (thí dụ, thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam). Lực lượng sản xuất biểu hiện mối quan hệ tác động của người làm việc với môi trường lao động của họ, biểu hiện trình độ sản xuất, năng lực hoạt động thực tiễn của họ trong quá trình sản xuất ra sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN.

Lực lượng sản xuất bao gồm tư liệu sản xuất và người lao động với tri thức KH&CN và phương pháp sản xuất, kỹ năng, kỹ xảo và thời gian lao động của họ để tạo ra sản phẩm, dịch vụ thông tin. Ngày nay, KH&CN, đặc biệt là công

nghệ thông tin phát triển nhanh chóng, thành tựu KH&CN được vật chất hoá trong các phương tiện kỹ thuật, nhờ đó mà năng suất lao động của cán bộ thông tin ngày càng cao, sản phẩm và dịch vụ thông tin ngày càng chứa nhiều hàm lượng “chất xám” hơn.

Trong các yếu tố hợp thành lực lượng sản xuất thông tin KH&CN, cán bộ thông tin là chủ thể, là lực lượng sản xuất cơ bản, quyết định nhất. Chính vì vậy, nhiều quốc gia trên thế giới có chính sách đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển sự nghiệp thông tin KH&CN của mình.

- Quan hệ sản xuất là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng các sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực thông tin KH&CN.

Trong quá trình sản xuất ra sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN, cán bộ thông tin không chỉ quan hệ và tác động đến đối tượng lao động (tri thức, thông tin, tài liệu, phương tiện kỹ thuật,...), mà còn quan hệ với nhau, tác động lẫn nhau. Mối quan hệ này được thể hiện trên ba mặt chủ yếu:

+ Quan hệ về chiếm hữu tư liệu sản xuất của ngành thông tin KH&CN (quan hệ sở hữu).

+ Quan hệ về tổ chức quản lý sản xuất sản phẩm và dịch vụ thông tin và trao đổi hoạt động (quan hệ tổ chức quản lý).

+ Quan hệ với nhau và với người dùng tin trong phân phối và lưu thông sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN (quan hệ phân phối lưu thông).

Các mặt nói trên có mối quan hệ mật thiết và tác động qua lại với nhau, trong đó, quan hệ sở hữu giữ vai trò quyết định.

Quan hệ sản xuất trong ngành thông tin KH&CN không phải là quan hệ ý chí, pháp lý mà là quan hệ kinh tế được biểu hiện thành quy luật kinh tế rất rõ ràng và hoàn toàn mang tính khách quan.

Việc nắm vững quy luật này sẽ giúp các nhà quản lý ngành thông tin KH&CN có cái nhìn khách quan, đúng đắn, nắm bắt cụ thể từng loại hình tổ chức hoạt động kinh tế thông tin KH&CN, từ đó, đề ra cơ chế quản lý phù hợp và điều hành tốt hoạt động thông tin.

2.3. Quy luật giá trị trong sản xuất sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN

Quy luật này quy định việc sản xuất sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN phải tuân theo quy luật giá trị. Hay nói cách khác: sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN được đem ra thị trường để trao đổi theo giá trị của chúng. Việc sản xuất và trao đổi sản phẩm và dịch vụ thông tin phải dựa trên cơ sở hao phí lao động cần thiết (tất yếu) để sản xuất ra chúng trong điều kiện bình thường của xã hội với sự hao phí sức lao động trung bình.

Giá trị sử dụng hay giá trị của sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN là kết tinh của lao động trừu tượng của cán bộ thông tin được vật hoá trong đó và được xác định bằng công thức:

$$\text{Giá trị} = c + v + m$$

Trong đó:

- c: lượng lao động được vật hoá trong tư liệu sản xuất được chuyển vào giá trị mới của sản phẩm và dịch vụ thông tin.

- v: giá trị của hàng hoá sức lao động.

- m: phần giá trị thêm ra sau khi khấu trừ chi phí sức lao động từ giá trị mới do người lao động tạo ra.

Nền kinh tế-xã hội nước ta đang diễn ra trong công cuộc CNH, HĐH theo cơ chế thị trường định hướng XHCN, hội nhập ngày càng sâu rộng vào cộng đồng thế giới. Một số quy luật kinh tế được nêu ra trên đây nhất định sẽ tác động mạnh mẽ đến hoạt động thông tin KH&CN nước nhà. Các nhà quản lý hoạt động thông tin KH&CN cần nhanh chóng đổi mới tư duy, nhìn nhận khách quan và khoa học, đề ra biện pháp đổi mới tổ chức và quản lý hoạt động thông tin KH&CN theo cơ chế thị trường. Bằng cách đó sẽ thực sự góp phần đưa sự nghiệp thông tin KH&CN nước ta lên ngang tầm quốc tế và hội nhập toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 115/2005/ NĐ- CP ngày 5/ 9/2005 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập
2. Nghị định số 80/2007/NĐ-CP của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN
3. Giáo trình kinh tế – chính trị Mác – Lênin.- H.: NXB Chính trị Quốc Gia, 2003
4. Rodionov I., Lê Trọng Hiên. Kinh tế trong hoạt động thông tin // Tạp chí Thông tin và Tư liệu, số 1-2009, tr. 2 - 9
5. Vũ Văn Nhật. Kinh tế học thông tin khoa học và công nghệ // Tạp chí Thông tin và Tư liệu, số 3-2009, tr. 13 - 15
6. Vũ Văn Nhật. Khái quát về Kinh tế học thông tin khoa học công nghệ // Tạp chí Thông tin và Tư liệu, số 4-2010, tr. 26 - 29